



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

## NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;  
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;  
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;  
Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3
- a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:



“1. Hạ tầng kỹ thuật (trừ hạ tầng kỹ thuật do doanh nghiệp đầu tư) và khu cây xanh sử dụng công cộng theo quy hoạch chung xây dựng của Khu Công nghệ cao, hạ tầng kỹ thuật nội bộ của Khu nghiên cứu và triển khai và Khu giáo dục và đào tạo được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương do Ban Quản lý làm chủ đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Hạ tầng cấp điện, cấp nước, viễn thông của Khu Công nghệ cao do các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khó có khả năng thu hồi vốn, Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Đối với hạ tầng kỹ thuật nội bộ các phân khu chức năng ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định phương án đầu tư và huy động vốn để đầu tư xây dựng theo đề nghị của Ban Quản lý.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ủy quyền cho Ban Quản lý quyết định đầu tư và thực hiện các thẩm quyền của người quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc nhóm B, C.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo Ban Quản lý thực hiện công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và vận hành hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghệ cao.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 7 như sau:

“d) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định mức thu tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải quy định tại điểm a và c khoản này theo đề nghị của Ban Quản lý. Chủ đầu tư hạ tầng quyết định mức thu tiền sử dụng hạ tầng quy định tại điểm b khoản này trên cơ sở chấp thuận của Ban Quản lý.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Nguồn kinh phí thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống xử lý nước thải do nhà nước đầu tư được lấy từ nguồn thu tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải của các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Khu Công nghệ cao và nguồn bù đắp từ ngân sách địa phương cho đến khi thu đủ để bù đắp chi. Căn cứ số tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải thực tế thu được hằng năm, Sở Tài chính thành phố Hà Nội xác định kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù”.



3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành giá đất cụ thể tính thu tiền thuê đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất hằng năm trong Khu Công nghệ cao.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 12 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định quản lý và sử dụng nhà cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao theo đề nghị của Ban Quản lý.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ bổ sung khác để phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của Khu Công nghệ cao.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Đối với các dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Ngân sách địa phương bố trí vốn và ngân sách trung ương bổ sung vốn có mục tiêu cho địa phương để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao theo tiến độ được duyệt.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 17

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 17 như sau:

“a) Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng do người sử dụng đất hoàn trả, tiền thuê đất được nộp vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 17 như sau:

“d) Hằng năm, Ban Quản lý tổng hợp số thu tại điểm b, c khoản này, báo cáo Sở Tài chính thành phố Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định phương án sử dụng để tiếp tục giải phóng mặt bằng và tái đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại các khoản: khoản 1, 2, 3, 5 Điều 3; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4; khoản 3 Điều 6; khoản 2, điểm d khoản 3 và khoản 4 Điều 7; khoản 1, khoản 2 Điều 8; khoản 1, khoản 3,



khoản 4 Điều 12; khoản 4 Điều 13; khoản 2, khoản 3 Điều 15; Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

3. Thực hiện và chỉ đạo thực hiện việc đầu tư, xây dựng, phát triển và quản lý Khu Công nghệ cao trở thành khu vực nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm của Thủ đô và cả nước.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**"Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4; khoản 3, khoản 4 Điều 7; Điều 8; điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 10; Điều 11; Điều 17; Điều 18 và Điều 19 Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án xử lý đối với các dự án đang hoạt động tại Khu Công nghệ cao mà chưa được hưởng ưu đãi về thuế.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung về bố trí vốn ngân sách trung ương quy định tại Điều 16 Nghị định này.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.”

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ....